

KIỂM ĐỊNH, PHÂN TẦNG XẾP HẠNG & CHIẾN LƯỢC ĐỊNH VỊ CỦA CÁC TRƯỜNG

TS. Phạm Thị Ly
Trung tâm Nghiên cứu và Đánh giá GDDH
Trường ĐH Nguyễn Tất Thành **1**

- Phân biệt kiểm định, phân tầng và xếp hạng
- Tác động và ý nghĩa của các chính sách gần đây về phân tầng và xếp hạng
- Khuyến nghị cho việc xây dựng bảng xếp hạng ĐH ở Việt Nam
- Chiến lược định vị của các trường

Nội dung

Kiểm định

(Accreditation)

Đánh giá

(Evaluation/
Assessment)

Phân tầng
(classification)

Xếp hạng

(Ranking)

Khái niệm

	Định nghĩa	Bản chất	Mục đích	Cách làm
Evaluation/ Assessment ĐÁNH GIÁ	<p>Evaluation= To determine the importance, effectiveness, or worth of; <i>Xác định tầm quan trọng, hiệu quả, hay sự đáng giá của một cái gì đó</i></p> <p>Assessment= The act of making a judgment about something <i>Hành động nhận định, phán đoán về một thứ gì đó</i></p>	Nhận thức về một tổ chức/đơn vị bằng cách so sánh nó với các tổ chức cùng loại	Hiểu rõ thực trạng	Xây dựng những tiêu chí do sánh và thực hiện việc đối chiếu
Accreditation KIỂM ĐỊNH	<p>The granting of approval to an institution of learning by an official review board after the school has met specific requirements. <i>Sự chuẩn thuận/phê duyệt/chấp nhận của một hội đồng đánh giá về việc một tổ chức đào tạo đã đáp ứng được những yêu cầu cụ thể nhất định</i></p>	Xem xét hoạt động của nhà trường trên cơ sở đối chiếu với những chuẩn mực về chất lượng	Công nhận mức độ đạt được một số tiêu chuẩn nhất định; phát hiện những chỗ cần cải thiện nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng	Tiêu chuẩn kiểm định dùng để đánh giá các trường thường bao hàm toàn diện nhiều nhân tố, phản ánh cả đầu vào, quá trình, lẫn kết quả hoạt động.
Categorization PHÂN LOẠI (PHÂN TẦNG)	<p>The act of sorting and organizing things according to group, class, or category. This noun is very similar in meaning to "classification" <i>Xếp loại, tổ chức các trường thành từng nhóm, từng hạng, hay từng loại.</i></p>	Là một quá trình nhận biết và phân biệt các trường dựa trên tính chất, mục tiêu và cách thức vận hành của nó, chứ không phải dựa trên thành tích hoạt động.	- Nhằm chỉ ra những đặc trưng về bản chất của một trường khiến nó khác với những trường khác loại. - Phục vụ cho quản lý hệ thống	Nhân tố trọng yếu nhất trong việc phân loại, không phải là đầu vào, đầu ra, mà chính là bản chất của quá trình, tức là nằm trong sứ mạng của nhà trường.
Rankings XẾP HẠNG	<p>A listing of items in a group according to a system of rating or a record of performance. <i>Liệt kê các phần tử trong nhóm (theo thứ tự cao thấp) dựa trên một hệ thống cho điểm hay mức độ đạt được trong kết quả hoạt động</i></p>	là một sự đánh giá từ bên ngoài nhằm so sánh kết quả hoạt động của một trường trong tương quan đối chiếu với các trường khác	Nhằm cung cấp thông tin cho các bên liên quan. Kết quả xếp hạng bao giờ cũng là một danh sách có tính thứ bậc.	Dựa trên một số tiêu chí và phương pháp do các tổ chức xếp hạng đưa ra, do đó kết quả thứ hạng của một trường có thể rất khác nhau trong các bảng xếp hạng khác nhau

LUẬT GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 9. Phân tầng cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở GDDH được **phân tầng** nhằm phục vụ công tác **quy hoạch mạng lưới** cơ sở GDDH phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và **xây dựng kế hoạch** đầu tư phát triển, nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu khoa học của cơ sở giáo dục đại học; **thực hiện quản lý nhà nước**.
2. Cơ sở GDDH được **xếp hạng** nhằm đánh giá uy tín và chất lượng đào tạo; phục vụ công tác **quản lý nhà nước và ưu tiên đầu tư** từ ngân sách nhà nước.

LUẬT GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 9. Phân tầng cơ sở giáo dục đại học

- 1. Cơ sở GDDH được **phân tầng** nhằm phục vụ công tác **quy hoạch mạng lưới** cơ sở GDDH phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và **xây dựng kế hoạch** đầu tư phát triển, nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu khoa học của cơ sở giáo dục đại học; **thực hiện quản lý nhà nước**.
- 2. Cơ sở GDDH được **xếp hạng** nhằm đánh giá uy tín và chất lượng đào tạo; phục vụ công tác **quản lý nhà nước và ưu tiên đầu tư** từ ngân sách nhà nước.

Chủ trương phân tầng & xếp hạng

NGHỊ ĐỊNH 73

1

- **Nêu tiêu chí cụ thể từng tầng**

2

- **Tiêu chí xếp hạng trong từng tầng**

3

- **Nguyên tắc tam phân vị**
-

Tiêu chuẩn phân tầng và xếp hạng

<i>Tiêu chuẩn</i>	<i>ĐH định hướng Nghiên cứu</i>	<i>ĐH định hướng Ứng dụng</i>	<i>ĐH định hướng Thực hành</i>
1. Vị trí, vai trò trong hệ thống	Nghiên cứu KH cơ bản	Nghiên cứu, phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản	Nghiên cứu, phát triển theo hướng triển khai các kết quả nghiên cứu ứng dụng
	ĐT lực lượng NC	ĐT nhân lực theo hướng ứng dụng	ĐT phát triển năng lực thực hành của người học, gắn với thực tế sản xuất
	Có năng lực thực hiện các đề tài NC cấp quốc gia và quốc tế	Có năng lực chủ trì nghiên cứu các đề tài cấp quốc gia, tham gia các đề tài cấp khu vực và quốc tế	Cung cấp nguồn nhân lực thực hành cho nhu cầu sử dụng lao động thực tế
2. Quy mô, ngành nghề, trình độ ĐT	Chương trình ĐHCN, ĐT thạc sĩ và tiến sĩ chiếm tỉ lệ lớn nhất	Chương trình ĐT định hướng ứng dụng trình độ ĐH, ThS chiếm tỉ lệ lớn nhất	Chương trình ĐT thực hành chiếm tỉ lệ lớn nhất
	SV SDH > 30% các ngành ĐHCN	Chủ yếu ĐT ĐH và ThS ứng dụng	Chủ yếu ĐT ĐH
	Ít nhất 3 chuyên ngành ĐH đến tiến sĩ	Ngành nghề ĐT đa dạng, linh hoạt theo nhu cầu	Ngành nghề ĐT đa dạng, liên thông với chương trình giáo dục nghề nghiệp

Tiêu chuẩn phân tầng và xếp hạng

Tiêu chuẩn	ĐH định hướng Nghiên cứu	ĐH định hướng Ứng dụng	ĐH định hướng Thực hành
3. Cơ cấu hoạt động ĐT và KHCN	Có đơn vị nghiên cứu phù hợp ngành ĐT (Viện, Cơ sở, Trung tâm nghiên cứu, ...)	Có hệ thống phòng, cơ sở, trung tâm thí nghiệm	
	Chi cho KHCN ít nhất 20% tổng chi	Chi cho KHCN ít nhất 20% tổng chi	Chi cho KHCN, thử nghiệm, phát triển sản phẩm ít nhất 20% tổng chi
	Ít nhất 50% tổng thời gian làm việc định mức của GV cơ hữu dành cho NCKH		
	Ít nhất 80% GV, nghiên cứu viên cơ hữu có bài báo, công trình công bố chuyên ngành trong/ngoài nước hàng năm	Ít nhất 70% GV, nghiên cứu viên cơ hữu có bài báo, công trình công bố chuyên ngành trong/ngoài nước, chuyển giao công nghệ, ứng dụng vào thực tế hàng năm	Ít nhất 30% GV cơ hữu có công trình được công bố, có tham gia các hoạt động gắn kết nhà trường thực tế, nhiệm vụ, đề tài KHCN
	Trình độ TS ít nhất 30% GV, nghiên cứu viên cơ hữu (đối với chuyên ngành ĐT định hướng nghiên cứu ít nhất 50%)	Trình độ TS ít nhất 15% GV, nghiên cứu viên cơ hữu	Ít nhất 10% khối lượng các chương trình ĐT do chuyên gia, cán bộ kỹ thuật, nhà quản lý trong và ngoài nước giảng dạy, báo cáo chuyên đề
	Ít nhất 1 GS hoặc 3 PGS/chuyên ngành ĐT TS		
	Tỷ lệ SV/GV của các chương trình định hướng nghiên cứu không quá 15	Tỷ lệ SV/GV không quá 25	

Ý nghĩa của phân tầng và xếp hạng

- **Phân tầng** = tái cấu trúc hệ thống

Chỉ có ý nghĩa khi các trường có sứ mạng

khác nhau → quản trị khác → nhân lực

khác → hoạt động khác → thước đo khác

- **Xếp hạng** = minh bạch thông tin
-

- 1. Chú trọng sự khác nhau giữa các loại trường**
- 2. Có tiêu chí rõ ràng để phân loại và**
- 3. Có tiêu chí khác nhau để xếp hạng trong từng loại**

- 1. Trộn lẫn giữa phân tầng và xếp hạng**
- 2. Chỉ dựa trên hiện trạng mà không rõ chính sách. Không có tính chất quy hoạch. Không bao gồm cao đẳng-trung cấp**
- 3. Không giúp các trường định vị mình trong hệ thống và không mang lại tác dụng tái cấu trúc**



Khuyến nghị chính sách cho xếp hạng

Học bổng, nhập cư và đầu tư

- Học bổng chính phủ chỉ cho phép đi học ở những trường có thứ hạng (Nga, Brazil)
- Nhập cư diện kỹ năng: chỉ những người có bằng cấp từ các trường có thứ hạng (Hà Lan)
- Đầu tư lớn cho các trường ĐCQT (Nga, Trung Quốc)

Quan hệ đối tác

- Công nhận bằng cấp
- Chọn đối tác (Ấn Độ)
- Đánh giá chất lượng/uy tín đối tác (Việt Nam)

Đối với chính sách

Giới quản lý

- Tăng cường trách nhiệm giải trình
- Thúc đẩy NCKH
- Định hình chiến lược theo các tiêu chí xếp hạng; do đó thu hẹp mục tiêu của nhà trường;
- Giảm sự đa dạng của từng trường và của hệ thống

Đối với các trường

Giới giảng viên: “Công bố hay là chết”

- Thúc đẩy hoạt động nghiên cứu
- Có ý thức tìm kiếm môi trường làm việc “có đẳng cấp”, nhờ đó chất xám có thể quy tụ
- Gian lận học thuật
- Thiếu chú trọng việc giảng dạy và đặc biệt là phục vụ cộng đồng
- Xa rời mọi gắn bó với thế giới việc làm

Đối với các trường

Giới nghiên cứu: Cuộc tranh luận bất tận

- **Coi xếp hạng là nguồn cung cấp thông tin**
- **Là cơ sở cho các phân tích đối sánh nhằm cải thiện hoạt động**
- **Chỉ ra các khiếm khuyết**
- **Coi xếp hạng là làm lạc hướng sự mạng của các trường**
- **Tẩy chay xếp hạng**

Đối với các trường

- Ảo tưởng về tính chất khách quan và toàn diện của các bảng xếp hạng
- Vừa là “nạn nhân” vừa là “thủ phạm” đặt ra áp lực về thứ hạng lên các trường

**Đối với sinh viên &
công chúng**

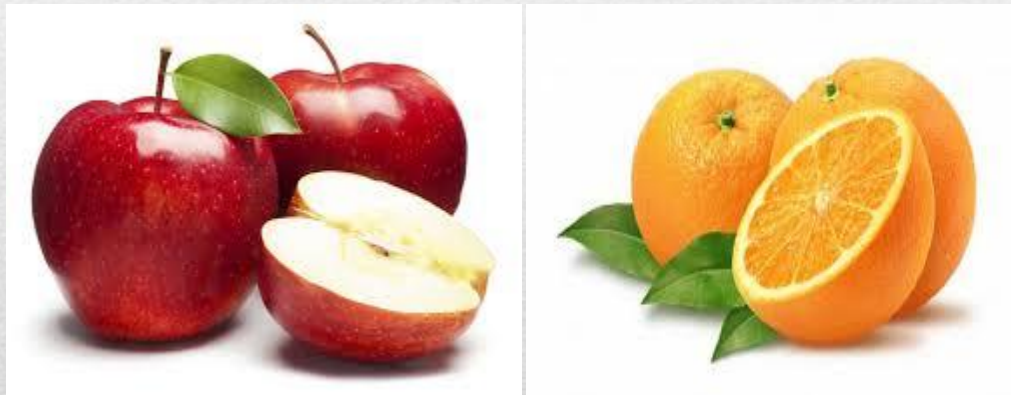
- Cách thức thu thập dữ liệu
- Tiêu chí xếp hạng
- Phương pháp xếp hạng



Kết quả xếp hạng chỉ phản ánh một phần nhỏ những gì các trường ĐH thực sự phải là

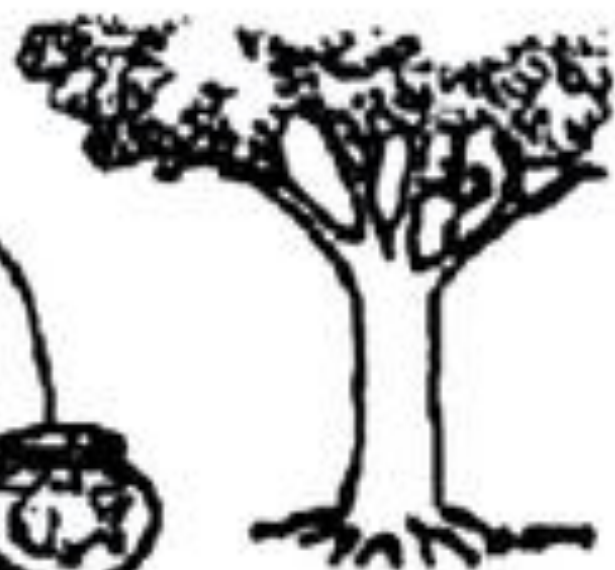
Hạn chế của các bảng xếp hạng

**Thực hiện xếp hạng những trường
cùng loại và với những thước đo thích
hợp với từng loại**

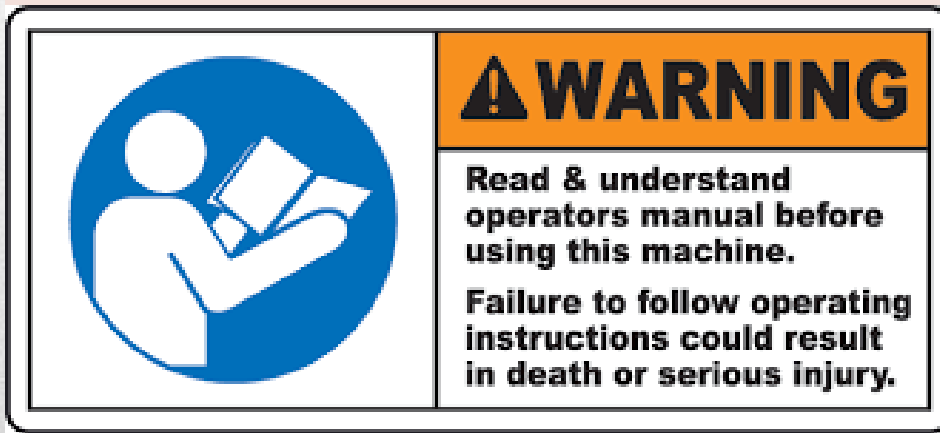


**Khuyến nghị cho xếp hạng
ĐH ở Việt Nam (1)**

To ensure a fair selection, you all get the same test.
You must all climb that tree



Đọc kỹ hướng dẫn trước khi dùng



Khuyến nghị cho xếp hạng
ĐH ở Việt Nam (3)

Minh bạch thông tin



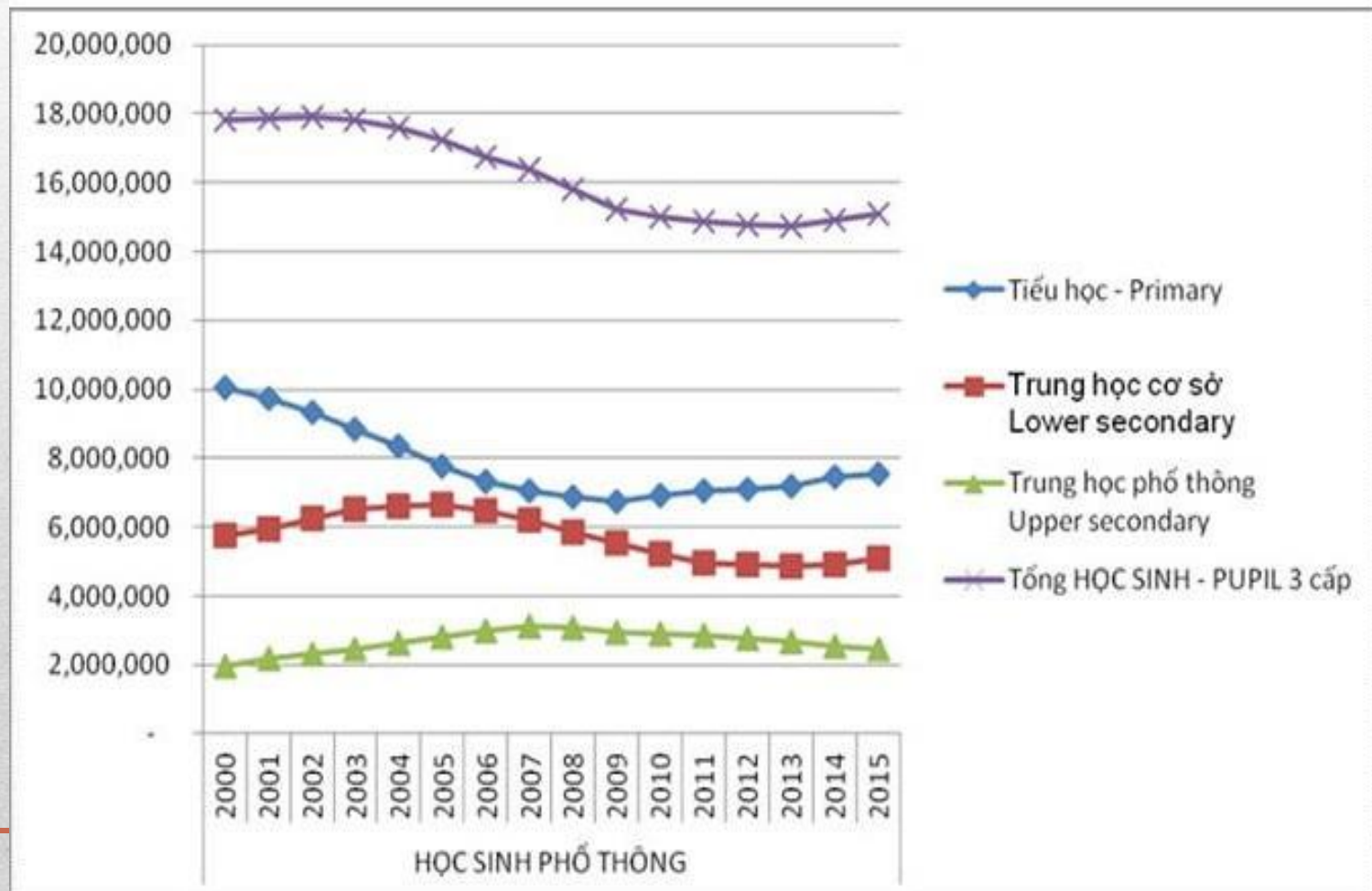
Khuyến nghị cho xếp hạng
ĐH ở Việt Nam (2)

- **Bối cảnh**
- **Nhu cầu của xã hội**
- **Vị trí của nhà trường hiện nay và lựa chọn cho tương lai.**

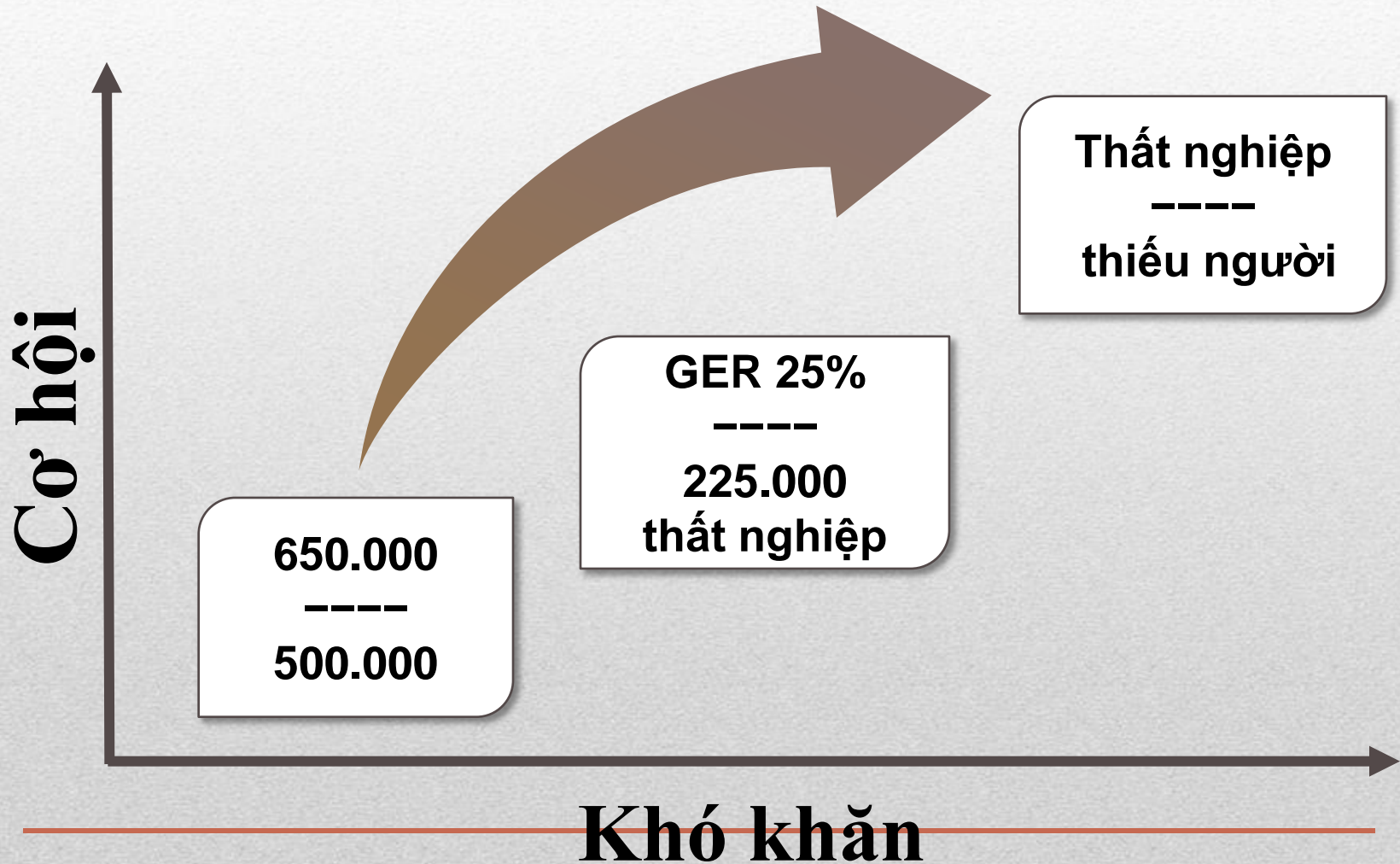
Chiến lược định vị của các trường ????

Xu hướng: bản đồ nhân khẩu học

BA CẤP PHỔ THÔNG



Bối cảnh: Ba nghịch lý



Nhu cầu của thị trường



- Nhu cầu bằng cấp đã bão hòa
- Năng lực thực tế: AEC và TPP
- Chi phí chấp nhận được

Ưu điểm của trường tự chủ tài chính

- Bền nhạy với nhu cầu của thị trường
- Có khả năng tự thay đổi nhanh
- Có mức độ tự chủ cao





Kết luận

TS. Phạm Thị Ly

www.lypham.net

lypham63@gmail.com

Xin cảm ơn
